

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: **Kinh tế** Chuyên ngành: **Kinh tế Phát triển**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **LÊ QUANG CẢNH**
2. Ngày tháng năm sinh: 26/04/1975; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không
3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒
4. Quê quán: xã Hiệp Cát, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 3-N6, ngõ 90 Nguyễn Tuân, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội
6. Địa chỉ liên hệ: 3-N6, ngõ 90 Nguyễn Tuân, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội
 Điện thoại nhà riêng: Không có; Điện thoại di động: 0947071789
 E-mail: canh@neu.edu.vn
7. Quá trình công tác
 - Từ 11/1997-7/2004: Giảng viên, Khoa Kế hoạch và Phát triển, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
 - Từ 8/2004-8/2009: Nghiên cứu sinh tại Đại học bang Kansas, Hợp chủng quốc Hoa kỳ
 - Từ 9/2009-10/2010: Giảng viên, Khoa Kế hoạch và Phát triển, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
 - Từ 11/2010-5/2019: Phó viện trưởng, Viện Quản lý Châu Á-Thái Bình Dương, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
 - Từ 6/2019-10/2022: Phó Viện trưởng, Viện Phát triển bền vững, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
 - Từ 10/2022-6/2023: Quyền Viện trưởng, Viện Phát triển bền vững, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

- Từ 7/2023-nay: Viện trưởng, Viện Phát triển bền vững, Đại học Kinh tế Quốc dân

Chức vụ: Hiện nay: Viện trưởng; Chức vụ cao nhất đã qua: Viện trưởng

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Phát triển bền vững, Đại học Kinh tế Quốc dân

Địa chỉ cơ quan: 1505-A1, 207 Giải Phóng, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: +84-24-36280280, máy lẻ 6547

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ tháng: Chưa nghỉ hưu

9. Trình độ đào tạo

- Được cấp bằng ĐH ngày 25 tháng 9 năm 1997; số văn bằng: B41243; ngành: Ngân hàng và Thị trường Tài chính; chuyên ngành: Ngân hàng; Nơi cấp bằng: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Được cấp bằng ThS ngày 11 tháng 7 năm 2002; số văn bằng: 00-101; ngành: Kinh tế; chuyên ngành: Kinh tế Phát triển; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội-Việt Nam hợp tác với Viện Khoa học Xã hội, The Hague Hà Lan.
- Được cấp bằng TS ngày 15 tháng 5 năm 2009; số văn bằng:; ngành: Kinh tế; chuyên ngành: Kinh tế học; Nơi cấp bằng TS: Đại học bang Kansas, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ.

10. Đã được công nhận chức danh PGS ngành Kinh tế ngày 01 tháng 11 năm 2013,

Được bổ nhiệm chức danh PGS ngày 02/12/2013 tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Đại học Kinh tế Quốc dân

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Hướng nghiên cứu 1: Kinh tế phát triển (tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế): Hướng nghiên cứu này gắn với đam mê và định hướng chuyên môn khi ứng viên công tác tại Khoa Kế hoạch và Phát triển. Kết quả nghiên cứu và đào tạo theo hướng nghiên cứu này đã đạt được:

- Hoàn thành 04 đề tài trong mục 6: [2], [4], [5] và [7].
- Công bố 45 bài, số thứ tự trong mục 7: [1], [2], [3], [4], [5], [6], [8], [9], [10], [11], [13], [14], [15], [16], [17], [18], [19], [20], [21], [25], [28], [31], [35], [36], [44], [45], [50], [56], [58], [60], [61], [62], [63], [64], [69], [70], [71], [72], [73], [74], [75], [80], [81], [82] và [84].
- Công bố 02 bài trên tạp chí thuộc WoS/Scopus là tác giả chính sau PGS: [31] và [35].
- Xuất bản 12 sách phục vụ đào tạo có số thứ tự trong mục 5: [1], [2], [3], [4], [5], [6], [7], [8], [10], [11], [12] và [13].
- 05 NCS đã bảo vệ thành công luận án theo hướng này với số thứ tự trong mục 4: [1], [2], [3], [4] và [8].
- Tham gia xây dựng và rà soát 04 Chương trình đào tạo.

Hướng nghiên cứu 2: Quản trị nhà nước và quản trị (tiếp cận của Kinh tế học thể chế): Hướng nghiên cứu này tập trung vào thể chế với phát triển kinh tế-xã hội, cung cấp dẫn chứng đề xuất tháo gỡ nút

thất thế chế trong bối cảnh Việt Nam. Hướng nghiên cứu gắn với giảng dạy và định hướng chuyên môn của ứng viên. Chi tiết kết quả nghiên cứu theo hướng này:

- Hoàn thành 03 đề tài khoa học trong mục 6: [3], [6] và [8].
- Công bố 30 bài, có số thứ tự trong mục 7: [26], [27], [29], [30], [32], [33], [37], [38], [39], [40], [41], [42], [43], [46], [47], [48], [49], [51], [52], [55], [57], [59], [65], [66], [67], [76], [77], [78], [79] và [83].
- Công bố 05 bài trên tạp chí thuộc WoS/Scopus, là tác giả chính sau PGS: [27], [30], [32], [33] và [37].
- Xuất bản 01 sách phục vụ đào tạo có số thứ tự trong mục 5: [9].
- 03 NCS đã bảo vệ thành công luận án theo hướng này, số thứ tự trong mục 4: [5], [6] và [7].

Hướng nghiên cứu 3: Kinh tế học giáo dục: Giáo dục vừa là mục tiêu vừa là yếu tố thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế. Đây là hướng nghiên cứu gắn với chuyên môn của ứng viên.

- Hoàn thành 02 đề tài trong mục 6: [1] và [9].
- Công bố 09 bài, có số thứ tự trong mục 7: [7], [12], [22], [23], [24], [34], [53], [54] và [68].
- Công bố 01 bài trên tạp chí thuộc WoS/Scopus, là tác giả chính sau PGS: [34]

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 08 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
 - o Hướng dẫn chính: 06
 - o Hướng dẫn phụ: 02
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên với vai trò Chủ nhiệm:
 - o 02 đề tài Nafosted
 - o 01 đề tài cấp Bộ
 - o 01 đề tài nhánh của Đề tài Nghị định thư
 - o 02 đề tài cấp cơ sở
- Đã công bố 84 bài báo khoa học, trong đó 19 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín:
 - o 09 bài ứng viên là tác giả chính
- Đã được cấp 05 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích (*Chứng nhận Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước*);
- Số lượng sách đã xuất bản 13, trong đó 12 thuộc nhà xuất bản có uy tín:
 - o Chủ biên 03 Giáo trình và Sách chuyên khảo
 - o Đồng chủ biên: 05 Giáo trình và Sách chuyên khảo
 - o Tham gia 05 Giáo trình, Sách chuyên khảo và Sách tham khảo

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu)

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Quyết định số 2729/QĐ-BGDĐT ngày 29/07/2013)
- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ năm 2013 (Quyết định số 2700/QĐ-BGDĐT ngày 25/07/2013)

- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm 2023 và 2024 (Quyết định số 947/QĐ-ĐHKTQD ngày 25/08/2023; Quyết định số 102/QĐ-ĐHKTQD ngày 23/01/2025)
- Giấy khen của Hiệu trưởng ĐH Kinh tế Quốc dân về thành tích xuất sắc trong đào tạo Sau đại học năm 2022 (Quyết định số 3200/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/12/2022)
- Giấy khen của Hiệu trưởng ĐH Kinh tế Quốc dân về thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm học 2020-2021 (Quyết định số 1739/QĐ-ĐHKTQD ngày 6/10/2021)
- Giấy khen của Hiệu trưởng ĐH Kinh tế Quốc dân về thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học năm 2011 (Quyết định số 592/QĐ-ĐHKTQD ngày 18/07/2012)

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo

Sau khi tốt nghiệp đại học tại Trường Đại học Kinh tế quốc dân, tôi được tuyển dụng làm giảng viên tại Khoa Kế hoạch và Phát triển; nhận bằng Tiến sĩ kinh tế của Đại học bang Kansas (Hợp chủng quốc Hoa Kỳ) năm 2009 và được công nhận đạt chuẩn và bổ nhiệm chức danh Phó giáo sư năm 2013. Từ năm 2010 đến 2019, tôi là Phó Viện trưởng Viện Quản lý châu Á-Thái Bình Dương; từ năm 2019 đến nay là giảng viên giữ chức vụ quản lý: Phó Viện trưởng, Quyền Viện trưởng và Viện trưởng Viện Phát triển bền vững. Trong suốt thời gian làm việc với vai trò giảng viên, tôi luôn trau dồi phẩm chất đạo đức nhà giáo, tự phấn đấu học tập nâng cao trình độ chuyên môn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và tư vấn, tích cực tham gia hoạt động nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo tham gia giảng dạy. Với vai trò giảng viên giữ chức vụ quản lý, tôi đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và nhiệm vụ quản lý và phát triển đơn vị gắn với chiến lược phát triển của Nhà trường. Tôi nhận thấy mình là giảng viên hội tụ đủ tiêu chuẩn, phẩm chất, năng lực chuyên môn và uy tín khoa học.

Về phẩm chất, đạo đức. Tôi luôn giữ gìn, rèn luyện nâng cao phẩm chất, lập trường chính trị, đạo đức, uy tín, danh dự và trách nhiệm của giảng viên. Tôi sống hòa đồng và hợp tác với đồng nghiệp; luôn giữ uy tín và danh dự của nhà giáo, nêu gương tốt cho người học; tôn trọng, đối xử công bằng, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người học. Tôi luôn chấp hành tốt chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước; thực hiện tốt qui định của Nhà trường và đơn vị.

Về công tác giảng dạy. Tôi nhận thức rằng giảng dạy tốt đòi hỏi giảng viên phải có chuyên môn vững, phương pháp giảng dạy hiệu quả và giao tiếp phù hợp với người học. Tôi không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, tìm hiểu và áp dụng phương pháp giảng dạy mới phù hợp với nội dung và đối tượng người học, trau dồi kỹ năng giao tiếp với người học. Tôi có thể đảm nhận học phần có kiến thức, phương pháp và đánh giá khác nhau giữa ba trình độ: đại học, thạc sĩ và tiến sĩ; tôi có năng lực hướng dẫn khoa học cho khóa luận tốt nghiệp, luận văn/đề án thạc sĩ và luận án tiến sĩ bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh. Công việc giảng dạy và hướng dẫn của tôi luôn đáp ứng tốt yêu cầu chuẩn đầu ra của học phần và chương trình đào tạo, được người học đánh giá cao. Tôi cũng đã tích cực tham gia hoàn thiện và phát triển các chương trình đào tạo, đặc biệt là đào tạo bậc cao.

Về hoạt động nghiên cứu khoa học. Đây cũng là nhiệm vụ quan trọng của giảng viên và tôi luôn dành sự ưu tiên cao nhất. Tôi đã tích cực thực hiện nghiên cứu, bao gồm: đề tài các cấp, nghiên cứu phục vụ chuyên môn giảng dạy, nghiên cứu tư vấn, cung cấp dẫn chứng cho xây dựng và ban hành chính sách. Các nghiên cứu của tôi có thể tìm thấy trên các tạp chí quốc tế chuyên ngành uy tín, các tạp chí khoa học uy tín trong nước, xuất hiện trong các tài liệu giảng dạy, trong các báo cáo chính sách của các tổ chức quốc tế ở Việt Nam như Ngân hàng Thế giới, UNDP, và cung cấp kiến thức xây dựng

học phần mới (ví dụ, Kinh doanh có trách nhiệm), bằng chứng xây dựng chính sách như Luật Phòng chống tham nhũng, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Bên cạnh việc trực tiếp thực hiện nghiên cứu khoa học, tôi còn tích cực trong bồi dưỡng năng lực nghiên cứu cho các giảng viên trẻ, nghiên cứu sinh, trong đó chú trọng cả vấn đề lý thuyết, phương pháp và đạo đức/liêm chính nghiên cứu. Đồng thời, tôi còn tham gia phản biện cho một số tạp chí khoa học quốc tế và trong nước. Các hoạt động nghiên cứu tôi thực hiện luôn đảm bảo tính khoa học và liêm chính học thuật.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 22 năm 8 tháng (*không tính thời gian làm tiến sĩ tại nước ngoài*)
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2022-2023	2		2	2	96	189	285/600,6/81
2	2023-2024			2		240	208	448/815,1/81
3	2024-2025					192	198	390/822,2/60

(*) Ứng viên là giảng viên giữ chức vụ quản lý - Phó Viện trưởng và Viện trưởng - đơn vị giảng dạy và nghiên cứu với định mức giờ chuẩn là 30% định mức giờ chuẩn của giảng viên. Từ năm 2024, Quyết định số 510/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 28/05/2024 quy định định mức giờ giảng cho giảng viên là 200 giờ.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học tập và bảo vệ Luận án tiến sĩ tại Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, từ 8/2004-8/2009

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:.....số bằng:.....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh
- Nơi giảng dạy: Đại học Kinh tế Quốc dân cho các Chương trình Tiến sĩ bằng Tiếng Anh (EPHD), Chương trình Tiến sĩ tiêu chuẩn cho NCS Lào, Chương trình Kinh tế phát triển chất lượng cao (bằng Tiếng Anh), Chương trình LSIC-Viện Thương mại và Kinh tế quốc tế.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1.	Lê Thu Giang	X			X	2013-2017	ĐHKTQD	2017 Quyết định số 1943/QĐ-ĐHKTQD, ngày 11/9/2017
2.	Lê Thị Lan	X			X	2014-2018	ĐHKTQD	2018 Quyết định số 650/QĐ-ĐHKTQD, ngày 02/4/2018
3.	Nguyễn Thị Thúy Vân	X		X		2015-2018	ĐHKTQD	2018 Quyết định số 616/QĐ-ĐHKTQD, ngày 23/3/2018
4.	Nguyễn Như Trang	X		X		2016-2020	ĐHKTQD	2020 Quyết định số 1492/QĐ-ĐHKTQD, ngày 30/9/2020
5.	Cần Hữu Dạn	X		X		2015-2021	ĐHKTQD	2021 Quyết định số 165/QĐ-ĐHKTQD, ngày 05/3/2021
6.	Đỗ Tuyết Nhung	X		X		2017-2021	ĐHKTQD	2021 Quyết định số 858/QĐ-ĐHKTQD, ngày 29/10/2021
7.	Nguyễn Phương Anh	X		X		2019-2022	ĐHKTQD	2022 Quyết định số 621/QĐ-ĐHKTQD, ngày 21/10/2022
8.	Bùi Thị Hoàng Mai	X		X		2020-2023	ĐHKTQD	2023 Quyết định số 123/QĐ-ĐHKTQD, ngày 19/4/2023

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.



5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I Trước khi được công nhận PGS							
1.	Foresight và cách tiếp cận foresight trong xây dựng chiến lược nguồn nhân lực giảng dạy công nghệ thông tin	CK	NXB Chính trị Quốc gia 2013	6	Tham gia	Biên soạn chương 1 (7-106)	Xác nhận sử dụng sách của Giám đốc ĐHKQTĐ, ngày 16/6/2025
II Sau khi được công nhận PGS							
2.	Giáo trình Phương pháp nghiên cứu kinh tế-xã hội	GT	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2025	10	Chủ biên	Biên soạn chương 5 (215-249) và 7 (323-371)	Xác nhận sử dụng sách của Giám đốc ĐHKQTĐ, ngày 16/6/2025
3.	Thế chế và Phát triển: Lý luận và thực tiễn ở Việt Nam	CK	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2023	12	Chủ biên	Biên soạn chương 1 (20-37) và 11 (358-388) Đồng biên soạn chương 3 (90-123), 4 (126-161) và 9 (292-311)	Xác nhận sử dụng sách của Giám đốc ĐHKQTĐ, ngày 16/6/2025
4.	Các tình huống thực tế tại Việt Nam về thực hành kinh doanh có trách nhiệm	CK	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2023	14	Đồng chủ biên	Biên soạn phần 1 (4-20)	Xác nhận sử dụng sách của Giám đốc ĐHKQTĐ, ngày 16/6/2025
5.	Việc làm và gia nhập thị trường lao động của giới trẻ: Lý thuyết và thực tiễn ở Việt Nam	CK	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2020	6	Đồng chủ biên	Biên soạn chương 3 và 4 (59-117) Đồng biên soạn chương 1(18-28)	Xác nhận sử dụng sách của Giám đốc ĐHKQTĐ, ngày 16/6/2025
6.	Vietnamese Graduates' Labour Market Entry and Employment: A Tracer Study	CK	Uppsala: Uppsala University, 2020	5	Đồng chủ biên	Đồng biên soạn	Xác nhận sử dụng sách của Giám đốc ĐHKQTĐ, ngày 16/6/2025
7.	Việc làm và gia nhập thị trường lao động của sinh viên	CK	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2020	5	Đồng chủ biên	Đồng biên soạn	Xác nhận sử dụng sách của Giám đốc

	Việt Nam sau tốt nghiệp						ĐHKTQD, ngày 16/6/2025
8.	Giáo trình Dự báo Kinh tế Xã hội	GT	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019	4	Tham gia	Biên soạn chương 2 (71-106), 6 (265-334), 7 (335-421), 13 (679-738) Đồng biên soạn chương 15 (807-859)	Xác nhận sử dụng sách của Giám đốc ĐHKQTĐ, ngày 16/6/2025
9.	Mô hình quản trị tập đoàn kinh tế tư nhân Việt Nam	CK	NXB Chính trị Quốc gia, 2017	8	Chủ biên	Biên soạn chương 3 (184-233) Đồng biên soạn chương 1 (9-88) và 4 (234-296)	Xác nhận sử dụng sách của Giám đốc ĐHKQTĐ, ngày 16/6/2025
10.	Giáo trình Phương pháp điều tra khảo sát: Nguyên lý và thực tiễn	GT	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2016	6	Tham gia	Biên soạn chương 3 (53-83)	Xác nhận sử dụng sách của Giám đốc ĐHKQTĐ, ngày 16/6/2025
11.	Giáo trình Ứng dụng một số lý thuyết trong nghiên cứu kinh tế	GT	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2015	10	Đồng chủ biên	Biên soạn chương 5, 6, 7 (171-261)	Xác nhận sử dụng sách của Giám đốc ĐHKQTĐ, ngày 16/6/2025
12.	Phát triển cụm ngành công nghiệp trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế	CK	NXB Chính trị Quốc gia, 2015	12	Tham gia	Đồng biên soạn chương 2 (87-212)	Xác nhận sử dụng sách của Giám đốc ĐHKQTĐ, ngày 16/6/2025
13.	Inclusive research system and innovation in Southeast Asia	TK	UNIID-SEA, 2014	8	Tham gia	Biên soạn chương 7 (129-143)	Xác nhận sử dụng sách của Giám đốc ĐHKQTĐ, ngày 16/6/2025

Ghi chú: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn

Trong đó, số lượng giáo trình và sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên/đồng chủ biên sau PGS: 08 bao gồm số thứ tự [2], [3], [4], [5], [6], [7], [9] và [11].

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS				

1.	Nghiên cứu các yếu tố tác động tới kết quả học tập của sinh viên Đại học Kinh tế Quốc dân	CN	Cấp cơ sở T2010.10 Quyết định số 582/QĐ-ĐHKTQD ngày 15/6/2011	2011-2012	27/8/2012 Xuất sắc
2.	Tổng quan cơ sở lý luận về cách tiếp cận Foresight	CN	Nhánh đề tài Nghị định thư năm 2010 Quyết định số 01/NĐT-QĐ ngày 05/5/2010	2010-2011	20/12/2011 Tốt
II Sau khi được công nhận PGS					
3.	Phân tích sự lan tỏa không gian của tham nhũng ở Việt Nam	CN	Đề tài Nafosted 502.01-2019.312 Quyết định số 13/QĐ-HĐQL-NAFOSTED, ngày 06/2/2020	2020-2023	12/5/2023 Đạt
4.	Việc làm của lao động trẻ, ảnh hưởng vết sẹo, và thể chế thị trường lao động ở Việt Nam	TG	Đề tài Nafosted 502.01-2018.12 Quyết định số 67/QĐ-HĐQL-NAFOSTED, ngày 09/5/2018	2018-2021	10/11/2021 Đạt
5.	Phát triển cụm ngành công nghiệp ở Việt Nam trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế	TG	Cấp Nhà nước KX.01.08/11-15 Quyết định số 200/QĐ-BKHHCN ngày 20/02/2012	2012-2014	16/5/2015 Xuất sắc
6.	Thương mại hóa sáng chế của các nhà nghiên cứu: Cơ hội, thách thức và nhân tố thành công	TG	Đề tài Nafosted 502.02-2015.08 Quyết định số 02/QĐ-HĐQL-NAFOSTED, ngày 03/01/2017	2017-2019	7/5/2020 Đạt
7.	Tác động của thể chế tới tăng trưởng kinh tế địa phương cấp tỉnh	CN	Cấp bộ B2017.KHA.20 Quyết định số 867/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/6/2017	2017-2019	2/8/2019 Xuất sắc
8.	Mô hình quản trị của các tập đoàn kinh tế tư nhân Việt Nam	CN	Đề tài Nafosted II 5.2-2012.03 Quyết định số 32/QĐ-HĐQL-NAFOSTED, ngày 12/7/2013	2013-2017	9/5/2017 Đạt

9.	Tác động của giáo dục tới sự tham gia lao động của cá nhân ở Việt Nam	CN	Cấp cơ sở KTQD/E2013.45 Quyết định số 681/QĐ-ĐHKTQD ngày 07/8/2013	2013-2014	7/1/2015 Xuất sắc
----	---	----	--	-----------	----------------------

Ghi chú: Các chữ viết tắt CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

7.1.a.1 Bài báo công bố trên các Tạp chí khoa học

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận PGS								
I.1 Tạp chí quốc tế (3 bài)								
1.	Nonlinearity and spatial lag dependence: Tests based on double-length regressions	2		Journal of Time Series Econometrics 1941-1928		5	2(1), 1-16	6/2010
2.	Double length regression tests for testing functional forms and spatial error dependence	2	x	Economics Letters 0165-1765	SSCI IF=2,1	12	101(3), 253-257	12/2008
3.	An empirical study of food demand in Vietnam	1	x	Journal of Southeast Asian Economies (ASEAN Economic Bulletin) 1984-2012		52	25(3), 283-292	12/2008
I.2 Tạp chí trong nước (22 bài)								
4.	Phát triển công nghiệp nông thôn Hàn Quốc và những kinh nghiệm cho công nghiệp hóa nông thôn Việt Nam	2		Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế 0866-7489			423, 26-35	8/2013
5.	Doanh nghiệp trong nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia ở Việt Nam	1	x	Tạp chí Kinh tế & Phát triển 1859-0012			191, 3-9	5/2013

6.	Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Phú Thọ	3		Tạp chí Kinh tế & Phát triển 1859-0012			190(II), 105-110	4/2013
7.	Các yếu tố tác động và đề xuất nâng cao kết quả học tập của sinh viên Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	3	x	Tạp chí Kinh tế & Phát triển 1859-0012			183, 71-77	9/2012
8.	Phân tích nhân quả và đồng liên kết giữa sản lượng điện tiêu thụ và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam	1	x	Tạp chí Kinh tế & Phát triển 1859-0012			Chuyên san 27-33	8/2012
9.	Ứng dụng Foresight trong xây dựng kịch bản phát triển nguồn nhân lực giảng dạy CNTT Việt Nam	2		Tạp chí Kinh tế và Dự báo 0866-7120			11 (523), 22-25	2012
10.	Kinh nghiệm của Thái Lan trong tổ chức nghiên cứu Foresight trong lĩnh vực công nghệ thông tin	3		Tạp chí Công nghiệp 1859-3976			58, 27-29	4/2012
11.	Electricity consumption and economic growth in Vietnam: A cointegration and causality analysis	1	x	Journal of Economics and Development 1859-0020		33	43, 24-36	12/2011
12.	Hình thức đối tác công tư trong giáo dục	1	x	Tạp chí Kinh tế & Phát triển 1859-0012			172(II), 104-108.	10/2011
13.	Foresight và triển vọng ứng dụng ở Việt Nam	3		Tạp chí Kinh tế và Dự báo 0866-7120			18 (506), 42-44	2011
14.	Bàn về hiệu quả đầu tư công trong nông nghiệp nông thôn vùng Đồng bằng sông Hồng	2		Tạp chí Kinh tế & Phát triển 1859-0012			170, 32-38	8/2011
15.	Tăng trưởng và thay đổi cấu trúc kinh tế Hàn Quốc: Bài học cho Việt Nam	2	x	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế 0866-7489			403, 68-74	12/2011
16.	Ảnh hưởng tiêu cực của đô thị hóa và gợi ý chính sách cho quá trình đô thị hoá thành phố Hà Nội	1	x	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế 0866-7489			393, 65-70	02/2011
17.	Phát triển nguồn nhân lực Yên Bái: Những bất cập và giải pháp khắc phục	4		Tạp chí Kinh tế & Phát triển 1859-0012			164, 46-53	02/2011

18.	Thách thức và cơ hội kinh tế của biến đổi khí hậu đối với doanh nghiệp: Gợi ý chính sách cho Việt Nam	1	x	Tạp chí Kinh tế & Phát triển 1859-0012			163, 45-49	01/2011
19.	Ảnh hưởng của số con tới việc tham gia lao động và cung lao động của phụ nữ Việt Nam	2		Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế 0866-7489			387, 43-52	8/2010
20.	Nguyên nhân ra đời và trỗi dậy của lý thuyết Tân tự do	1	x	Tạp chí Văn phòng Cấp ủy 1859-2031			Chuyên đề 70-73	4/2010
21.	Tác động của số con tới sự tham gia lao động và cung lao động của nam giới Việt Nam	1	x	Tạp chí Kinh tế & Phát triển 1859-0012			153, 34-39	3/2010
22.	Effects of education on economic growth in Vietnam	1	x	Journal of Economics and Development 1859-0020			36, 37-41	12/2009
23.	Giáo dục và tăng trưởng kinh tế: Dẫn chứng từ Việt Nam	1	x	Tạp chí Kinh tế & Phát triển 1859-0012			Đặc san 10/2006, 17-20	10/2006
24.	Một số ý kiến về phân bổ ngân sách cho giáo dục	1	x	Tạp chí Tài chính 2815-6188			451, 32-33	5/2002
25.	Quy mô trang trại gia đình Việt Nam	1	x	Tạp chí Kinh tế & Phát triển 1859-0012			Chuyên đề 35-43	11/2001
II Sau khi được công nhận PGS								
II.1 Tạp chí quốc tế (19 bài)								
26.	The interplay between cultural and individual values in predicting employee voice in Vietnam	5		Management Research Review 2040-8269	ESCI/Scopus/Q1 IF=3,1		DOI: 10.1108/MRR-09-2024-0700	4/2025
27.	Local leader traits, local values and citizens' political participation in Vietnam	2	x	International Journal of Public Administration 0190-0692	ESCI/Scopus/Q2 IF=1,8		48(3), 167-179	02/2025
28.	Impact of social responsibility on tea producers' decisions in Vietnam	4		Transactions of the Chinese Society of Agricultural Machinery	Scopus/Q2		55(1), 30-42	01/2024

				1000-1298				
29.	Collective sensemaking within institutions: Control of the COVID-19 epidemic in Vietnam	5		Public Administration & Development 0271-2075	SSCI IF=2,6	6	43(2) 150-162	5/2023
30.	Spatio-temporal dependence of corruption in Vietnam	2	x	Applied Spatial Analysis and Policy 1874-4621	SSCI IF=2,0	6	15(4), 1143-1165	12/2022
31.	Optimal economic restructuring to reduce carbon emissions intensity using the projected gradient algorithm	2	x	Environment, Development and Sustainability 1573-2975	SCIE IF=4,7		24(5), 6271-6287	5/2022
32.	Socioeconomic status, norms and bribe-giving behaviors among citizens of Vietnam	2	x	International Journal of Public Administration 0190-0692	ESCI/ Scopus/Q2 IF=1,8	15	45(1), 37-48	1/2022
33.	Foreign aid, governance, and foreign direct investment in Vietnam: A dynamic GMM analysis	2	x	Journal of Economic Cooperation and Development 1308-7800	Scopus/Q4		42(3), 127-146	9/2021
34.	The efficiency of expenditures for general education: Empirical evidence from the Vietnam's transitional economy	1	x	International Journal of Management in Education 1750-385X	Scopus/Q3	2	15(4), 381-396	8/2021
35.	Sub-national governance quality and economic growth: A cross-regional study in Vietnam	2	x	Global Business and Economics Review 1097-4954	Scopus/Q4	3	24(3), 279-295	4/2021
36.	Rent sharing, investment and collective bargaining: Evidence from employee-level data in Vietnam	3		The Developing Economies 0012-1533	SSCI IF=2,5	2	59(1), 3-38	3/2021
37.	State ownership, quality of sub-national governance, and total factor productivity of firms in Vietnam	3	x	Post-Communist Economies 1463-1377	SSCI IF=2,2	18	33(1), 133-146	02/2021
38.	Exploring a public interest definition of corruption:	4		Journal of Business Ethics	SSCI IF=5,9	35	165(4), 579-594	9/2020

	Public private partnerships in socialist Asia			0167-4544				
39.	From “weak” to “strong” sustainability: Protesting for environmental justice in Vietnam	4		Journal of Vietnamese Studies 1559-3738	ESCI/ Scopus/Q2 IF=0,6	7	14(3), 1-42	9/2019
40.	Sense making of policy processes in the transition economy of Vietnam	4		Public Administration & Development 0271-2075	SSCI IF=2,60	7	38(4), 154-165	10/2018
41.	Local governance, corruption, and public service quality: evidence from a national survey in Vietnam	4		International Journal of Public Sector Management 0951-3558	ESCI/ Scopus/Q2 IF=2,5	90	30(2), 137-153	3/2017
42.	Strategic and transactional costs of corruption: perspectives from Vietnamese firms	4		Crime Laws and Social Change 0925-4994	SSCI IF=1,0	87	65(4-5), 351-374	6/2016
43.	Citizen participation in city governance: Experiences from Vietnam	4		Public Administration & Development 0271-2075	SSCI IF=2,60	71	35(1), 34-45	02/2015
44.	Effects of corporate government on the performance of private economic groups in Vietnam	3	x	The Journal of International Trade & Commerce 1738-8112		11	10(6), 39-56	12/2014
II.2 Tạp chí trong nước (26 bài)								
45.	Tiêu dùng năng lượng tái tạo, tham nhũng và tăng trưởng kinh tế ở các quốc gia châu Á	1	x	Tạp chí Kinh tế & Phát triển 1859-0012			334, 74-83	4/2025
46.	Chuẩn mực địa phương, địa vị xã hội và hồi lộ của người dân ở các quốc gia Châu Á mới nổi	2	x	Tạp chí Kinh tế & Phát triển 1859-0012			329, 24-32	11/2024
47.	Giáo dục liên chính, nhận thức liên chính và đưa hồi lộ ở thanh niên Việt Nam	1	x	Tạp chí Kinh tế & Phát triển 1859-0012			299, 44-53	5/2022
48.	Impacts of social exclusion and sociopolitical capital	3		Journal of Finance & Accounting			5(13), 54-60	12/2021

	on bribe-giving of Vietnamese citizens			Research 2588 – 1493				
49.	Sự phụ thuộc không gian của tham nhũng: Nghiên cứu thực nghiệm từ địa phương cấp tỉnh ở Việt Nam	3		Tạp chí Kinh tế & Phát triển 1859-0012		286, 14-23	4/2021	
50.	Chất lượng thể chế quản trị địa phương và tăng trưởng kinh tế cấp tỉnh của Việt Nam	2		Tạp chí Kinh tế & Phát triển 1859-0012		280, 2-12	10/2020	
51.	Thước đo chất lượng thể chế quản trị địa phương cấp tỉnh của Việt Nam	2		Tạp chí Kinh tế & Phát triển 1859-0012		278, 11-22	8/2020	
52.	Phụ thuộc không gian của tham nhũng ở Việt Nam	2	x	Tạp chí nghiên cứu Kinh tế & Kinh doanh châu Á 2615-9104		31(3), 23-42	3/2020	
53.	Tự chủ tài chính và kết quả học tập ở các trường trung học phổ thông Việt Nam	1	x	Tạp chí Khoa học Thương mại 1859-3666		133, 63-72	9/2019	
54.	Hiệu quả chi giáo dục phổ thông ở Việt Nam: Nghiên cứu từ các địa phương cấp tỉnh	3	x	Tạp chí Kinh tế & Phát triển 1859-0012		265, 73-81	7/2019	
55.	Nghiên cứu thang đo các khía cạnh của văn hóa tổ chức trong các doanh nghiệp Việt Nam	2		Tạp chí Kinh tế và Dự báo 0866-7120		36, 162-165	12/2018	
56.	Ảnh hưởng của thể chế quản trị địa phương tới tăng trưởng kinh tế cấp tỉnh ở Việt Nam	2	x	Tạp chí nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á 2615-9104		29(9), 5-18	9/2018	
57.	Vị thế xã hội, văn hóa và hời lộ của người dân Việt Nam	1	x	Tạp chí Kinh tế & Phát triển 1859-0012		252, 2-10	6/2018	
58.	Phân tích mối quan hệ nhân quả giữa ODA và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam	2	x	Tạp chí Kinh tế & Phát triển 1859-0012		243(II), 2-9	9/2017	

59.	Tham nhũng dựa trên “cầu kết” và định hướng mới trong phòng chống tham nhũng ở Việt Nam	4		Tạp chí Kinh tế & Phát triển 1859-0012		241, 10-16	7/2017
60.	Chất lượng thể chế quản trị và tổng năng suất nhân tố của nền kinh tế Việt Nam	1	x	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế 0866-7489		468, 12-19	5/2017
61.	Thể chế với năng suất của doanh nghiệp Việt Nam	1	x	Tạp chí Phát triển Kinh tế 1859-1124		28(2), 5-19	02/2017
62.	Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới công nghiệp hóa tỉnh Thái Nguyên	2	x	Tạp chí Những vấn đề Kinh tế & Chính trị Thế giới 0868-2984		246, 57-66	10/2016
63.	Phương pháp chiếu Gradient xác định hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nhằm giảm phát thải	2	x	Tạp chí Kinh tế & Phát triển 1859-0012		231(II), 90-97	9/2016
64.	Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa tại tỉnh Thái Nguyên	2		Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế 0866-7489		7 (458), 65-71	7/2016
65.	Công bố và minh bạch thông tin với kết quả kinh doanh của doanh nghiệp niêm yết ở Việt Nam	2	x	Tạp chí Phát triển Kinh tế 1859-1124		27(6), 64-79	6/2016
66.	Kiểm soát người đại diện: Vai trò của thể chế trong quản trị tập đoàn tư nhân Việt Nam	2		Tạp chí Kinh tế & Phát triển 1859-0012		222, 79-86	12/2015
67.	Quản trị doanh nghiệp với kết quả hoạt động của các doanh nghiệp tư nhân lớn ở Việt Nam	3	x	Tạp chí Kinh tế & Phát triển 1859-0012		215, 10-19	5/2015
68.	Ảnh hưởng của giáo dục tới sự tham gia lao động ở Việt Nam	2	x	Tạp chí Kinh tế & Phát triển 1859-0012		209, 60-68	11/2014
69.	Vai trò của Chính phủ trong ứng phó biến đổi khí hậu ở Việt Nam	1	x	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế 0866-7489		437, 14-20	10/2014
70.	Năng suất nông nghiệp và công nghiệp hóa ở Việt Nam	2	x	Tạp chí Kinh tế & Phát triển 1859-0012		202, 28-35	4/2014

7.1.a.2 Bài báo công bố trên các Kỷ yếu Hội thảo khoa học

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận PGS								
I.1 Kỷ yếu Hội thảo quốc tế (2 bài)								
71.	Strategic cooperation between Vietnam and South Korea: Prospects and Challenges	3		International conference proceedings: Economic Cooperation between Vietnam and Korea: Prospects for 2020 978-604-909-735-5			3-27	8/2011
72.	Global economic restructuring trends and recommendations for Vietnam	1	x	International Conference on “Global economic crisis: Issues, lessons, and roads to recovery”			107-110	12/2009
I.2 Kỷ yếu Hội thảo quốc gia (0 bài)								
II Sau khi được công nhận PGS								
II.1 Kỷ yếu Hội thảo quốc tế (11 bài)								
73.	Renewable energy policy and consumption with economic growth in low-and middle-income countries	1	x	21 st International Conference on Social Economic and Environmental Issues in Development – (ICSEED 21 st) 978-604-79-5010-2			1-13	6/2025
74.	GDP structural changes and carbon emission intensity: An empirical study in OECD countries	2	x	The 6th International conference on contemporary issues in economics, management and business (CIEMB) 978-604-330-939-3			1302-1326	11/2023
75.	Community structure, organizational participation and crime in Vietnam: Social	2	x	The 6th International conference on contemporary issues in economics,			1169-1189	11/2023



	Disorganization theory approach			management and business (CIEMB) 978-604-330-939-3				
76.	Corruption and anti-corruption in Vietnam: Problems, solution, and future research direction	2		The 5th International conference on contemporary issues in economics, management and business (CIEMB) 978-604-330-515-9			483-504	11/2022
77.	Proactivity of provincial leadership and corruption in Vietnam: A spatio-temporal dependence analysis	2	x	The 13 th NEU-KKU International Conference on Social, Economic, and Environmental issues in Development 978-604-79-2811-8			187-198	6/2021
78.	Spatial dependence in corruption: evidence from a dynamic spatial panel data in Vietnam	2		The 3rd International conference on contemporary issues in economics, management and business (CIEMB) 978-604-79-2605-3			902-916	11/2020
79.	Impacts of organizational culture on employee engagement with organizations in Vietnamese enterprises	2		The 10 th NEU-KKU International Conference on Social-Economic, and environmental issues in Development 978-604-65-4174-5			493-506	5/2019
80.	Environmental disputes in Vietnam: An analysis from reported case studies	4		E-government and administrative reform in Germany and Vietnam 978-3-7369-7035-9			169-178	3/2019
81.	Impacts of official development assistance on foreign direct investment: Evidence from provincial levels	2		The 2 nd International conference on contemporary issues in economics, management and business (CIEMB) 978-604-946-741-7			1837-1850	11/2019

82.	Farmer's decision in adopting the good agricultural practice standards in tea production: Evidence from the Northern Midland and Mountainous regions	2		The 1 st International conference on contemporary issues in economics, management and business (CIEMB) 978-604-65-3728-1		164-175	11/2018
83.	Sub-National governance institutions and foreign direct investment: Evidence from Vietnam	2		The 5 th IBSM International Conference on Business, Management and Accounting 978-602-72911-5-7		407-421	4/2018
II.2 Hội thảo khoa học quốc gia (01 bài)							
84.	Đầu tư sản xuất chè theo hướng thực hành nông nghiệp tốt ở Thái Nguyên	2		Hội thảo khoa học quốc gia: Đầu tư phát triển nông nghiệp công nghệ cao, hiệu quả theo hướng công nghiệp hóa 978-604-946-288-8		297-306	8/2017

Ghi chú: Journal Impact Factor (IF) là ở năm 2023, được lấy từ Website của Tạp chí.

Trong đó, số bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín thuộc danh mục WoS/Scopus là tác giả chính sau PGS: 08 bài bao gồm: [27], [30], [31], [32], [33], [34], [35] và [37]

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1	Giấy chứng nhận Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước Số đăng ký: 2023-52-0849/NS-KQNC	Cục Thông tin khoa học công nghệ quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ	23/5/2023	Tác giả chính	8
2	Giấy chứng nhận Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước	Cục Thông tin khoa học công nghệ quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ	30/11/2021	Đồng tác giả	5

	Số đăng ký: 2021-52-1754/KQNC				
3	Giấy chứng nhận Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước Số đăng ký: 2020-52-435/KQNC	Cục Thông tin khoa học công nghệ quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ	19/5/2020	Đồng tác giả	8
4	Giấy chứng nhận Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước Số đăng ký: 2017-52-294/KQNC	Cục Thông tin khoa học công nghệ quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ	3/4/2017	Tác giả chính	7
5	Giấy chứng nhận Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước Số đăng ký: 2015-52-626/KQNC	Cục Thông tin khoa học công nghệ quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ	8/9/2015	Đồng tác giả	10

Trong đó, số lượng bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS: **02 bao gồm số thứ tự 1 và 4.**

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo	Vai trò UV	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế
1.	Đề án thí điểm đào tạo Tiến sĩ bằng Tiếng Anh tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Tham gia	Quyết định số 451/QĐ-ĐHKTQD, ngày 28/6/2017	ĐH KTQD	Quyết định số 1823/QĐ-ĐHKTQD, ngày 16/8/2017 Quyết định số 1837/QĐ-ĐHKTQD, ngày 28/12/2023
2.	Rà soát, cập nhật và đánh giá các Chương trình đào tạo tiến sĩ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Tham gia	Quyết định số 416/QĐ-ĐHKTQD, ngày 5/7/2022	ĐH KTQD	Quyết định số 655/QĐ-ĐHKTQD, ngày 21/10/2022

3.	Rà soát, cập nhật và đánh giá các Chương trình đào tạo tiến sĩ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Tham gia	Quyết định số 1025/QĐ-ĐHKTQD, ngày 22/10/2024	ĐH KTQD	Quyết định số 68/QĐ-ĐHKTQD, ngày 22/1/2025
4.	Xây dựng Đề án thí điểm Chương trình nghiên cứu sau Tiến sĩ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Tham gia	Quyết định số 417/QĐ-ĐHKTQD, ngày 5/7/2022	ĐH KTQD	Quyết định số 137/QĐ-ĐHKTQD, ngày 19/4/2023

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế: Không

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

PGS.TS. Lê Quang Cảnh